TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Nam

2. Bà Nguyễn Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 428/ 2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hoài Ph, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp 4, xã Đ, huyện C, tỉnh K.

* *Bị đơn:* Anh Đặng Hoàng Xuân V**,** sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 125/12 đường Hoàng Diệu, khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh K. Chỗ ở: ấp 4, xã Đ, huyện C, tỉnh K.

* *Người làm chứng:*

1/ Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1957. Địa chỉ: 125/12 đường Hoàng Diệu, khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh K;

2/ Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 4, xã Đ, huyện C, tỉnh K.

(Chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V và người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Ph trình bày:

Năm 2013 chị và anh Đặng Hoàng Xuân V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh K, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 02/10/2013. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm, anh V đi làm thường đi sớm về muộn. Từ đầu năm 2019, anh V không chịu đi làm, mà tụ tập bạn bè đánh bài, không phụ chị Ph lo cho gia đình. Ngoài ra, anh V còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, năm 2016 bị Công an phường X xử phạt vi phạm hành chính. Chị Ph đã nhiều lần khuyên can nhưng anh V không thay đổi. Đến khoảng tháng 3/2019, do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục cuộc sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Ph đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung vợ chồng. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Đặng Tuấn A, sinh ngày: 07/11/2014. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Ph khai vợ chồng không có nợ chung.

* *Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm*: Đơn khởi kiện, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con (bản sao), bản tự khai ngày 29/7/2019, ngày 27/9/2019; đơn xin lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án ngày 26/9/2019; đơn đề nghị triệu tập người làm chứng ngày 27/9/2019; phụ lục hợp đồng lao động ngày 31/12/2018; phiếu lương tháng 8, 9/2019; quyết định xử phạt hành chính và biên lai thu tiền phạt.

Tại bản tự khai đề ngày 26 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Hoàng Xuân V trình bày:

Anh thừa nhận phần trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, do chị Ph tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, nên anh V buồn chán và có tham gia chơi đánh bài. Vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung để giải quyết mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2019 đến nay. Tuy nhiên, thỉnh thoảng anh V có đến thăm con, vợ chồng không nói chuyện với nhau, không ai quan tâm tới ai, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung vợ chồng. Hiện nay, chị Ph yêu cầu ly hôn anh V không đồng ý thuận tình ly hôn vì anh còn tình cảm với chị Ph.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Đặng Tuấn A, sinh ngày: 07/11/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị Ph ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có căn nhà và đất hiện anh V đang sinh sống. Anh V không đồng ý lý hôn, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Các tài liệu, chứng cứ bị đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm*: Bản tự khai ngày 26/9/2019; đơn xin lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án ngày 26/9/2019.

* *Các chứng cứ do Tòa án thu thập được:* Biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Kh, lời khai của bà Hoàng Thị L; biên bản xác minh ngày 29/10/2019 của phường Xuân Thanh, thành phố L và xã Đ, huyện C, tỉnh K.

Lời khai của bà Lê Thị Kh, bà Hoàng Thị L và biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Đ đều thể hiện cuộc sống chung vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, luôn xảy ra cãi vã nhau, do anh V không chịu đi làm, tụ tập bạn bè chơi bài, dẫn đến việc bán tài sản của gia đình. Chị Ph và gia đình hai bên có khuyên nhủ, nhưng không có kết quả. Bà L và bà Kh yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh K phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hoài Ph được ly hôn với anh Đặng Hoàng Xuân V.

Về con chung: Hiện nay nguyên đơn có việc làm thu nhập ổn định, có điều kiện để nuôi con. Do đó, đề nghị giao con chung là Đặng Tuấn A, sinh ngày 07/11/2014 cho nguyên đơn là chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hoài Ph có yêu cầu ly hôn với bị đơn - anh Đặng Hoàng Xuân V và có yêu cầu nuôi con chung (BL 01) nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn - anh Đặng Hoàng Xuân V có hộ khẩu thường trú tại số nhà 125/12 đường Hoàng Diệu, phường X, thành phố L, tỉnh K; nơi ở: Ấp 4, xã Đ, huyện C, tỉnh K. Tuy nhiên, chị Ph, anh V có đơn xin lựa chọn Tòa án thành phố L giải quyết vụ án (BL 20), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh K theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Ph có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Hoàng Xuân V đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoài Ph và anh Đặng Hoàng Xuân V tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2013 (BL 07), được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hoài Ph, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị Ph và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong lối sống, anh V không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Sau khi mất việc làm, anh V thường tụ tập bạn bè chơi bài, không chịu tìm kiếm việc làm mới để ổn định cuộc sống cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã. Ngoài ra, anh V còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, năm 2016 bị Công an phường X xử phạt vi phạm hành chính. Chị Ph đã nhiều lần khuyên can nhưng anh V không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay, sự việc này cũng được người làm chứng bà Hoàng Thị L là mẹ ruột của anh V, bà Lê Thị Kh là mẹ ruột của chị Ph và ông Trần Th trưởng ấp 4, xã Đ, huyện C nơi vợ chồng anh V, chị Ph sinh sống xác nhận (BL 32, 33, 34).

Anh V cho rằng còn tình cảm với chị Ph, nhưng bản thân anh V không có thiện chí hàn gắn tình cảm để đoàn tụ, mà bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Trong thời gian sống ly thân, chị Ph và anh V mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự

nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng từ tháng 3/2019 cho đến nay. Do đó, chị Ph yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung***:** Chị Ph và anh V chung sống có 01 con chung tên Đặng Tuấn A, sinh ngày 07/11/2014. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn nhận thấy: Hiện nay chị Ph có việc làm thu nhập ổn định (BL 28, 29, 30), có điều kiện để nuôi con. Đối với yêu cầu của anh V nếu trường hợp dẫn đến việc ly hôn thì anh cũng yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng. Tuy nhiên, quá trình làm việc Tòa án đã yêu cầu anh V cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện để nuôi con, nhưng anh V không thực hiện. Hơn nữa, hiện tại anh V chưa có việc làm, cháu Đặng Tuấn A đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó, cần thiết giao cháu Đặng Tuấn A, sinh ngày 07/11/2014 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tạm thời nguyên đơn không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hoài Ph.

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị Hoài Ph được ly hôn anh Đặng Hoàng Xuân V.

- *Về con chung*: Giao cháu Đặng Tuấn A, **s**inh ngày 07/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Hoài Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Đặng Hoàng Xuân V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh V được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị Ph, anh V được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 009827 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh K. Chị Ph đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- CC THADS TPLK;
- UBND xã Đ, Huyện C, tỉnh K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai